

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	221.424.121	157.236.602
Tiền gửi ngân hàng	1.095.777.397.669	806.703.214.384
Trong đó :		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	931.934.049.720	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	1.815.160.000.000	1.140.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.911.158.821.790</b>	<b>1.947.090.450.986</b>

**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>47.841.304</b>	<b>773.319.122.469</b>	-	<b>(171.067.066.564)</b>	<b>602.252.055.905</b>
Cổ phiếu niêm yết	35.907.805	583.415.841.211		(108.615.687.393)	474.800.153.818
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.933.499	189.903.281.259		(62.451.379.171)	127.451.902.087
Trái phiếu	-	-		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>1.592.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.592.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.592.000.000.000	-	-	1.592.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.529.646</b>	<b>1.050.264.035.447</b>	<b>-</b>	<b>(54.948.570.805)</b>	<b>995.315.464.642</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.529.646	1.050.264.035.447	-	(54.948.570.805)	995.315.464.642
Cổ phiếu niêm yết	9.868.096	262.909.593.938		(20.324.829.595)	242.584.764.343
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.481.515	131.989.207.167		(34.623.741.210)	97.365.465.957
Trái phiếu	6.180.035	655.365.234.342		-	655.365.234.342
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>48.327.069</b>	<b>1.360.430.683.510</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.360.430.683.510</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	48.327.069	1.360.430.683.510	-	-	1.360.430.683.510
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>12.673.997</b>	<b>548.616.990.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.107.177.498)</b>	<b>455.509.812.502</b>
- Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000	-	(93.107.177.498)	455.509.812.502
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>34.662.506</b>	<b>589.163.797.288</b>	<b>-</b>	<b>(194.353.925.229)</b>	<b>394.809.872.059</b>
Cổ phiếu niêm yết	30.793.624	477.229.343.418		(147.309.314.210)	329.920.029.208
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.743.882	99.434.453.870		(47.044.611.019)	52.389.842.851
Trái phiếu	125.000	12.500.000.000		-	12.500.000.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>1.703.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.703.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.290.220</b>	<b>1.056.730.351.972</b>	<b>-</b>	<b>(82.059.042.586)</b>	<b>974.671.309.386</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.290.220	1.056.730.351.972	-	(82.059.042.586)	974.671.309.386
Cổ phiếu niêm yết	10.234.553	258.115.910.459		(53.348.175.958)	204.767.734.501
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.750.632	131.989.207.171		(28.710.866.628)	103.278.340.543
Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.342		-	666.625.234.342
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>43.612.363</b>	<b>1.216.460.435.650</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.216.460.435.650</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	43.612.363	1.216.460.435.650	-	-	1.216.460.435.650
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>12.666.999</b>	<b>548.616.990.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.178.900.000)</b>	<b>455.438.090.000</b>
- Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(50.795.708.241)	14.997.236.932
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(26.525.937.241)	98.161.125.000
SVC	2.335.469	48.769.733.377	(18.642.183.278)	30.127.550.099
VHL	1.241.839	21.676.281.707	(4.911.455.208)	16.764.826.499
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.137.047.500)	1.045.682.500
PVS	2.146.922	35.276.989.471	(1.786.998.397)	33.489.991.074
FPT	950.063	40.865.676.850	(1.153.043.443)	39.712.633.407
PVD	455.950	22.348.377.218	(827.537.218)	21.520.840.000
GAS	146.460	9.047.411.387	(552.731.387)	8.494.680.000
BHV	6.054	253.765.058	(220.468.058)	33.297.000
Cổ phiếu khác	10.066	223.435.422	(62.577.422)	160.858.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>24.436.880</b>	<b>373.124.407.904</b>	<b>(108.615.687.393)</b>	<b>264.508.720.511</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.802.200.000)	197.800.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.568.166</b>	<b>89.417.258.171</b>	<b>(62.451.379.171)</b>	<b>26.965.879.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.005.046</b>	<b>462.541.666.075</b>	<b>(171.067.066.564)</b>	<b>291.474.599.511</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
VHL	1.244.939	21.801.196.622	(8.978.324.923)	12.822.871.699
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(62.091.562.241)	62.595.500.000
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
SVC	2.345.442	48.978.224.783	(17.080.213.584)	31.898.011.199
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(54.045.084.241)	11.767.937.285
Cổ phiếu khác	639.315	18.859.319.552	(2.485.783.851)	16.373.535.701
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>21.421.823</b>	<b>286.572.880.294</b>	<b>(147.309.314.210)</b>	<b>139.263.566.084</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
CTCP Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
CTCP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.719)	2.148.139.999
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.672.639</b>	<b>92.372.742.518</b>	<b>(47.044.611.019)</b>	<b>45.328.131.499</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.094.462</b>	<b>378.945.622.812</b>	<b>(194.353.925.229)</b>	<b>184.591.697.583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(9.323.974.784)	29.162.663.800
DPM	577.120	24.398.451.164	(1.313.651.164)	23.084.800.000
FPT	1.947.330	89.342.036.490	(7.943.642.490)	81.398.394.000
PVS	500.000	8.216.124.800	(416.124.800)	7.800.000.000
LAS	395.400	13.914.782.314	(313.022.314)	13.601.760.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(998.064.299)	22.430.331.000
NET	223.100	8.650.319.743	(16.349.744)	8.633.969.999
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>7.043.374</b>	<b>206.436.748.394</b>	<b>(20.324.829.595)</b>	<b>186.111.918.799</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.602.398.500)	5.052.427.900
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(5.651.250.000)	31.848.750.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	49.160	2.686.480.000	(154.740.000)	2.531.740.000
- CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000
- CTCP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.009.523.620)	10.791.496.380
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>7.081.515</b>	<b>100.206.207.174</b>	<b>(34.623.741.210)</b>	<b>65.582.465.964</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.124.889</b>	<b>306.642.955.568</b>	<b>(54.948.570.805)</b>	<b>251.694.384.763</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
FPT	1.498.500	70.720.795.792	(17.973.595.792)	52.747.200.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(318.357.299)	23.110.038.000
NET	183.500	7.070.398.793	(5.648.793)	7.064.750.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>6.753.152</b>	<b>196.641.198.954</b>	<b>(53.348.175.958)</b>	<b>143.293.022.996</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000
Các cổ phiếu khác	5.418.492	81.966.987.174	(14.014.641.628)	67.952.345.546
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>6.350.632</b>	<b>100.206.207.174</b>	<b>(28.710.866.628)</b>	<b>71.495.340.546</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.103.784</b>	<b>296.847.406.128</b>	<b>(82.059.042.586)</b>	<b>214.788.363.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(704.177.498)	9.295.822.502
<b>Cộng</b>	<b>11.173.998</b>	<b>533.617.000.000</b>	<b>(93.107.177.498)</b>	<b>440.509.822.502</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
<b>Cộng</b>	<b>11.167.000</b>	<b>533.617.000.000</b>	<b>(93.178.900.000)</b>	<b>440.438.100.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Công ty liên kết	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP XNK Thủy Hải Sản Bến Tre	-	-	112.184.115.815	0.00%	0.00%
Công ty CP Hùng Vương	390.894.771.116	463.494.817.675	446.226.979.256	20.01%	20.00%
Công ty CP Xuyên Thái Bình	78.492.602.086	109.043.578.518	66.343.313.982	20.22%	20.00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (*)	84.491.373.385	81.465.930.226	80.423.308.230	25.59%	25.55%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	72.621.113.434	76.644.949.300	71.161.019.957	20.00%	19.95%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.206.176.391	90.179.317.287	89.591.299.013	20.07%	20.02%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.780.005	34.027.051.321	35.042.388.806	20.02%	20.00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	200.600.876.538	177.512.283.465	200.600.757.738	20.00%	20.00%
CTCP Transimex-Saigon	96.644.903.926	118.699.547.606	114.887.252.451	20.00%	20.00%
CTCP Bibica	51.491.751.919	94.846.154.231	-	20.00%	20.00%
CTCP Khử Trùng VN	97.658.069.943	114.517.053.881	-	20.07%	20.05%
<b>Cộng</b>	<b>1.211.599.418.743</b>	<b>1.360.430.685.510</b>	<b>1.216.460.435.248</b>		

(\*) Tại ngày 30/6/2013 tỷ lệ biểu quyết GIL của Công ty mẹ là 5,87%, uỷ thác qua công ty con SSIAM là 14,08%, hợp nhất theo tỉ lệ biểu quyết tại Quỹ Đầu tư SSIIMF là 0,17%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 20,12% cổ phiếu lưu hành. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của GIL, phần cổ phiếu GIL do Công con của GIL mua lại được trình bày là cổ phiếu quỹ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty được tính lại thành 25,59% do số lượng cổ phiếu đang lưu hành giảm xuống khi trừ phần cổ phiếu Công ty con GIL mua lại theo cách trình bày của Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu đang lưu hành do Hose công bố không thay đổi do không tính số lượng cổ phiếu GIL do Công ty con của GIL mua lại là cổ phiếu quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi nhuận/ (Lỗ) phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết (bao gồm (lợi thế)/bất lợi thương mại phát sinh tại ngày mua và phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong năm kể từ ngày mua) được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>
Quý Tâm nhìn SSI	-	7.412.864.839
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	(1.685.633.320)	11.448.476.198
Công ty CP Hùng Vương	33.114.319.566	44.729.437.058
Công ty CP Xuyên Thái Bình	2.384.445.057	3.727.004.602
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	3.373.846.351	1.448.493.790
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	4.496.450.344	3.451.160.318
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	588.018.227	11.229.758
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	(1.015.347.647)	-
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	(9.902.963.673)	-
CTCP Transimex-Saigon	7.965.742.235	-
CTCP Bibica	43.354.402.312	-
CTCP Khử Trùng VN	18.187.325.938	-
<b>Kết quả ròng</b>	<b>100.860.605.389</b>	<b>72.228.666.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	3.135.580.172	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.244.479.826	1.963.484.017
<b>Tổng Cộng</b>	<b>4.380.059.998</b>	<b>8.861.760.393</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	1.964.378.397	96.015.355.706
Tăng trong kỳ	-	304.453.000	5.837.043.400	17.600.000	6.159.096.400
Mua trong kỳ	-	304.453.000	5.837.043.400	17.600.000	6.159.096.400
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(17.953.406.955)	(2.161.939.400)	(918.734.755)	(21.034.081.110)
Bán thanh lý	-	(55.038.704)	(2.144.644.400)	-	(2.199.683.104)
Phân loại lại (*)	-	(17.898.368.251)	(17.295.000)	(918.734.755)	(18.834.398.006)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	2.609.391.520	60.624.424.431	16.843.311.403	1.063.243.642	81.140.370.996
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	1.751.576.383	71.921.008.009
Tăng trong kỳ	224.634.576	4.736.071.456	574.300.257	54.435.540	5.589.441.829
Khấu hao	224.634.576	4.736.071.456	574.300.257	54.435.540	5.589.441.829
Giảm trong kỳ	-	(16.566.517.970)	(2.121.850.882)	(794.259.950)	(19.482.628.802)
Bán thanh lý	-	(55.038.704)	(2.105.516.725)	-	(2.160.555.429)
Phân loại lại (*)	-	(16.511.479.266)	(16.334.157)	(794.259.950)	(17.322.073.373)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	1.978.284.341	46.671.319.634	8.366.465.088	1.011.751.973	58.027.821.036
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	212.802.014	24.094.347.697
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	631.107.179	13.953.104.797	8.476.846.315	51.491.669	23.112.549.960

(\*) Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**6. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VNĐ)**

Đây là giá trị các toà nhà mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	18.537.391.892	14.265.620.743
Giá trị còn lại	265.075.344.628	269.347.115.777

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
<i>Phân loại lại (*)</i>	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	44.902.736.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.230.871.526
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.524.372.300	-	1.595.395.896	35.119.768.196
Tăng trong kỳ	3.451.718.801	-	20.660.448	3.472.379.249
<i>Khấu hao</i>	3.451.718.801	-	20.660.448	3.472.379.249
Giảm trong kỳ	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
<i>Phân loại lại</i>	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	36.938.651.583	-	1.616.056.344	38.554.707.927
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.425.006.291	109.671.558.000	61.180.792	121.157.745.083
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.964.085.255	109.671.558.000	40.520.344	117.676.163.599

(\*) Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
<b>Cộng</b>	<b>17.482.911.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>385.096.787.539</b>	<b>500.024.123.162</b>
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	1.300.000.000
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	297.868.152.763	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	22.754.207.284	203.554.006.741
- Phải thu phí tư vấn	3.493.380.583	34.703.719.489
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	248.626.594	96.212.146
- Phải thu trái phiếu Vinashin và giá trị chứng khoán còn lại của Quỹ Tầm nhìn	60.362.298.893	74.593.307.741
- Phải thu khác	370.121.422	502.948.422
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>778.760.963</b>	<b>7.317.649.764</b>
- Phải thu Sở giao dịch	648.960.000	7.269.138.572
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	129.800.963	48.511.192
<b>3. Phải thu khác</b>	<b>281.383.297.310</b>	<b>339.346.884.820</b>
- Phải thu tổ chức phát hành (cổ tức, trái tức)	36.387.215.113	44.600.956.072
- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.185.565.168	19.567.552.410
- Phải thu lãi sản phẩm tài chính và kinh doanh vốn	-	150.944.442
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu- tiền cọc	227.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu khác	2.810.517.029	2.927.431.896

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

Nợ ngắn hạn	Số đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay thấu chi ngân hàng(*)	267.728.021.077	1.070.467.231.968	1.338.195.253.045	-
Vay hạn mức	90.000.000.000		90.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>357.728.021.077</b>	<b>1.070.467.231.968</b>	<b>1.428.195.253.045</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 8% đến 10.8%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	4.995.744.682	4.092.973.299

**12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu gốc và lãi trái phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
Dự phòng phải thu khác	(433.300.000)	(9.250.589.058)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(57.367.546.575)</b>	<b>(66.184.835.633)</b>

**13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán	3.071.101.173	2.183.598.269
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc trái phiếu	10.333.455.469	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	-	425.000.000
Trích trước 1/2 lương tháng 13	3.478.009.825	-
Phải trả khác	4.382.921.962	3.513.809.517
<b>Tổng Cộng</b>	<b>21.265.488.429</b>	<b>9.183.790.545</b>

**14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.604.673.750	4.040.373.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	108.179.894.057	95.009.400.000
<b>Cộng</b>	<b>112.784.567.807</b>	<b>99.049.773.750</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	134.752.930	5.269.593.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.260.103.986	9.111.512.048
Thuế thu nhập cá nhân	1.295.171.200	3.079.650.025
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	2.730.963.146	409.429.587
Các loại thuế khác	2.827.583.214	848.665.436
<b>Cộng</b>	<b>20.248.574.476</b>	<b>18.718.850.445</b>